

5. HĐ sáng tạo (1p)

- Giữ nguyên lời văn, thay số cho BT 4 để thành bài toán mới và giải.

ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG

.....

.....

.....

TẬP LÀM VĂN

LUYỆN TẬP XÂY DỰNG ĐOẠN VĂN KỂ CHUYỆN

I. MỤC TIÊU:**1. Kiến thức**

- Dựa vào 6 tranh minh họa truyện Ba lưỡi rìu và lời dẫn giải dưới tranh để kể lại được cốt truyện

2. Kỹ năng

- Biết phát triển ý nêu dưới 2,3 tranh để tạo thành 2,3 đoạn văn kể chuyện.

3. Thái độ

- Thái độ: Yêu thích văn học, ham học hỏi và tham khảo sách văn học.

4. Góp phần phát triển các năng lực

- NL tự học, Sử dụng ngôn ngữ, NL sáng tạo

II. CHUẨN BỊ:**1. Đồ dùng**

- GV: +Tranh minh họa cho truyện trang 64, SGK (phóng to từng tranh nếu có điều kiện).

+ Bảng phụ

- HS: Vở BT, sgk.

2. Phương pháp, kỹ thuật

- PP: Hỏi đáp, thảo luận nhóm, quan sát.

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm 2

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động (5p)</p> <p>+ <i>Mỗi đoạn văn trong bài văn kể chuyện kể nội dung gì?</i></p> <p>+ <i>Khi viết đoạn văn cần lưu ý điều gì?</i></p> <p>- Nhận xét, khen/ động viên.</p> <p>- Chuyển ý vào bài mới</p>	<p>- TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét</p> <p>+ <i>Mỗi đoạn văn kể 1 sự việc</i></p> <p>+ <i>Đầu đoạn viết lùi vào. Hết đoạn có dấu chấm xuống dòng.</i></p>
<p>2. Hoạt động thực hành: (30p)</p> <p>* Mục tiêu: +Dựa vào 6 tranh minh họa truyện Ba lưỡi rìu và lời dẫn giải dưới tranh để kể lại được cốt truyện</p> <p style="text-align: center;">+ Phát triển ý dưới mỗi tranh thành 1 đoạn văn kể chuyện</p>	

*** Cách tiến hành:**

*** Bài tập 1:**

- GV đặt câu hỏi gợi ý để HS nắm được cốt truyện:

+ *Truyện có những nhân vật nào?*

+ *Câu chuyện kể lại chuyện gì?*

+ *Truyện có ý nghĩa gì?*

***GV: Câu chuyện kể lại việc chàng trai được tiên ông thử thách thật thà, trung thực qua những lưỡi rìu.**

- Gọi HS đọc lời gợi ý dưới mỗi bức tranh.

- Yêu cầu HS dựa vào tranh minh họa, kể lại cốt truyện *Ba lưỡi rìu*.

- GV chữa cho từng HS, nhắc HS nói ngắn gọn, đủ nội dung chính.

- Nhận xét, khen những HS nhớ cốt truyện và lời kể có sáng tạo.

*** Bài tập 2:**

- Gv hướng dẫn làm bài *VD: Tranh 1.

+ *Anh chàng tiểu phu làm gì?*

+ *Khi đó chàng trai nói gì?*

Cá nhân - Nhóm – Lớp

- 1 HS đọc yêu cầu của bài, quan sát tranh

- Lớp thảo luận nhóm 2 và báo cáo:

+ *Truyện có hai nhân vật: chàng tiểu phu và cụ già (tiên ông).*

+ *Câu chuyện kể lại việc chàng trai nghèo đi đốn củi và được ông tiên thử thách tính thật thà, trung thực qua việc mất rìu.*

+ *Truyện khuyên chúng ta hãy trung thực, thật thà trong cuộc sống sẽ được hưởng hạnh phúc.*

- HS đọc tiếp nối lời gợi ý dưới tranh – Tập kể trong nhóm 4

Ví dụ về lời kể:

Ngày xưa có một chàng tiểu phu sống bằng nghề chặt củi. Cả gia tài của anh chỉ là một chiếc rìu sắt. Một hôm, chàng đang đốn củi thì lưỡi rìu bị văng xuống sông. Chàng đang không biết làm cách nào để vớt lên thì một cụ già hiện lên hứa giúp chàng. Lần thứ nhất, cụ vớt lên bằng một lưỡi rìu bằng vàng, nhưng chàng bảo không phải của mình. Lần thứ hai, cụ vớt lên bằng một lưỡi rìu bằng bạc, nhưng chàng không nhận là của mình. Lần thứ ba, cụ vớt lên bằng một lưỡi rìu bằng sắt, anh sung sướng nhận ra lưỡi rìu của mình và cảm ơn cụ. Cụ già khen chàng trai thật thà và tặng chàng cả ba lưỡi rìu.

- Quan sát và đọc thầm.

+ *Chàng tiểu phu đang đốn củi thì chẳng may lưỡi rìu bị văng xuống sông.*

+ *Chàng trai nói: “Cả gia tài ta chỉ có lưỡi rìu này. Nay mất rìu không biết lấy*

<p>+ Hình dáng của chàng tiêu phu như thế nào?</p> <p>+ Lưỡi rìu của chàng trai như thế nào?</p> <p>- Tổ chức cho HS thi kể.</p> <p>- Hướng dẫn HS làm tương tự với các bức tranh còn lại</p> <p>- Nhận xét, đánh giá.</p> <p>- Hệ thống lại theo bảng sau</p>		<p>gì để sống đây?”.</p> <p>+ Chàng trai nghèo, ở trần, đóng khố, người nhễ nhại mồ hôi, đầu quấn một chiếc khăn màu nâu.</p> <p>+ Lưỡi rìu sắt của chàng bóng loáng.</p> <p>- HS kể tranh 1.</p> <p>- Nhận xét lời kể của bạn.</p> <p>-HS điền vào phiếu học tập</p>		
Đoạn	Nhân vật làm gì?	Nhân vật nói gì?	Ngoại hình nhân vật	Lưỡi rìu vàng. Bạc, sắt
2	Cụ già hiện lên	Cụ hứa vớt rìu giúp chàng trai. Chàng chấp tay cảm ơn.	Cụ già râu tóc bạc phơ, vẻ mặt hiền từ.	
3	Cụ già vớt dưới sông lên một lưỡi rìu, đưa cho chàng trai, chàng trai ngồi trên bờ xua tay.	Cụ bảo: “Lưỡi rìu của con đây”, chàng trai nói: “Đây không phải rìu của con.”	Chàng trai vẻ mặt thật thà.	Lưỡi rìu vàng sáng loá
4	Cụ già vớt lên lưỡi rìu thứ hai. Chàng trai vẫn xua tay.	Cụ hỏi: “Lưỡi rìu này của con chứ?”. Chàng trai đáp: “Lưỡi rìu này cũng không phải của con”.		Lưỡi rìu bạc sáng lấp lánh
5	Cụ già vớt lên lưỡi rìu thứ ba, chỉ tay vào lưỡi rìu. Chàng trai giơ hai tay lên trời.	Cụ hỏi: “Lưỡi rìu này có phải của con không?” chàng trai mừng rỡ: “ Đây mới đúng là rìu của con”	Chàng trai vẻ mặt hớn hờ.	Lưỡi rìu sắt
6	Cụ già tặng chàng trai cả 3 lưỡi rìu. Chàng chấp tay tạ ơn.	Cụ khen: “Con là người trung thực, thật thà. Ta tặng con cả ba lưỡi rìu”. Chàng trai mừng rỡ nói: “Cháu cảm ơn cụ”.	Cụ già vẻ hài lòng. Chàng trai vẻ mặt vui sướng.	

ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG

.....

.....

.....

.....

ĐIÀ LÍ (VNEN) **TRUNG DU BẮC BỘ (TIẾT 1)**

ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG

.....

.....

.....

.....

ĐIÀ LÍ (CT HIỆN HÀNH) **TÂY NGUYÊN**

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Nêu được một số đặc điểm tiêu biểu về địa hình, khí hậu của Tây Nguyên:
 - + Các cao nguyên xếp tầng cao thấp khác nhau: Kon Tum, Đắk Lắk, Lâm Viên, Di Linh.
- + Khí hậu có hai mùa rõ rệt: mùa mưa, mùa khô

2. Kỹ năng

- Chỉ được các cao nguyên ở Tây Nguyên trên bản đồ (lược đồ) tự nhiên Việt Nam: Kon Tum, Plây Ku, Đắk Lắk, Lâm Viên, Di Linh.
- * HS năng khiếu: Nêu được đặc điểm của mùa mưa, mùa khô ở Tây Nguyên.

3. Thái độ

- Biết trân quý người dân trên mọi miền Tổ quốc

4. Góp phần phát triển các năng lực:

- NL tự chủ, NL giải quyết vấn đề, NL ngôn ngữ, NL thẩm mỹ
- * *GD BVMT: Một số đặc điểm chính của môi trường và TNTN và việc khai thác TNTN ở miền núi và trung du (rừng, khoáng sản, đất đỏ ba dan, sức nước.); Tây Nguyên có nguồn tài nguyên rừng hết sức phong phú, cuộc sống của người dân ở đây dựa nhiều vào rừng : củi đun, thực phẩm... Bởi vậy, cần giáo dục học sinh tầm quan trọng của việc bảo vệ và khai thác hợp lí rừng.*

- * *GD TKNL: Tây Nguyên là nơi bắt nguồn của nhiều con sông, các con sông chảy qua nhiều vùng có độ cao khác nhau nên lòng sông lắm thác ghềnh. Bởi vậy, Tây Nguyên có tiềm năng thủy điện to lớn. Tích hợp giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ở đây chính là vấn đề bảo vệ nguồn nước, phục vụ cuộc sống*
-
-

II. CHUẨN BI:

1. Đồ dùng

- GV: +Bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam.
+Tranh, ảnh và tư liệu về các cao nguyên ở Tây Nguyên.
- HS: Vở, sách GK,...

2. Phương pháp, kĩ thuật

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.
- KT: đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động: (5p)</p> <p>+ <i>Hãy mô tả vùng trung du Bắc Bộ.</i></p> <p>+ <i>Trung du Bắc Bộ thích hợp trồng những loại cây nào?</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Nhận xét, khen/ động viên.- GV chốt ý và giới thiệu bài	<ul style="list-style-type: none">- TBHT điều hành lớp trả lời và nhận xét:+ <i>Là một vùng đồi núi với các đỉnh tròn, sườn thoải, xếp cạnh nhau như bát úp.</i>+ <i>Cây ăn quả: cam, chanh, dứa, vải...; cây CN: cọ, chè...</i>
<p>2. Bài mới: (30p)</p> <p>* Mục tiêu: + Nêu được một số đặc điểm tiêu biểu về địa hình, khí hậu của Tây Nguyên:</p> <p>+ Chỉ được các cao nguyên ở Tây Nguyên trên bản đồ (lược đồ) tự nhiên Việt Nam</p> <p>* Cách tiến hành: Nhóm-Lớp</p>	
<p>HD 1: Tây Nguyên –xứ sở của các cao nguyên xếp tầng:</p> <p>a. Xác định vị trí và đặc điểm chung của các cao nguyên</p> <ul style="list-style-type: none">- GV chỉ vị trí của khu vực Tây Nguyên trên bản đồ địa lí TN Việt Nam- GV yêu cầu HS dựa vào kí hiệu chỉ vị trí của các cao nguyên trên lược đồ hình 1 trong SGK.- GV gọi HS lên bảng chỉ trên bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam treo tường và đọc tên các cao nguyên theo thứ tự từ Bắc xuống Nam.- Dựa vào bảng số liệu ở mục 1 trong SGK, xếp thứ tự các cao nguyên theo độ cao từ thấp tới cao?+ <i>Em có nhận xét gì về các cao nguyên ở Tây Nguyên?</i>	<p>Cá nhân-Lớp</p> <ul style="list-style-type: none">- HS chỉ- HS chỉ vị trí các cao nguyên.- Cao nguyên Kon Tum, CN Plâyku, CN Đắc Lắc, CN Lâm Viên, CN Di Linh.- CN Đắc Lắc, Kon Tum, Di Linh, Lâm Đồng.+ <i>Các cao nguyên xếp tầng</i>

- GV kết luận về các cao nguyên

b. Tìm hiểu đặc điểm riêng của từng cao nguyên

- GV chia lớp thành 4 nhóm, phát cho mỗi nhóm 1 tranh, ảnh và tư liệu về một cao nguyên.

+ Nhóm 1: cao nguyên Đắc Lắc.

+ Nhóm 2: cao nguyên Kon Tum.

+ Nhóm 3: cao nguyên Di Linh.

+ Nhóm 4: cao nguyên Lâm Viên.

- GV cho HS các nhóm thảo luận theo gợi ý sau: Trình bày một số đặc điểm tiêu biểu của cao nguyên (mà nhóm được phân công tìm hiểu).

- GV cho HS đại diện các nhóm trình bày trước lớp kết quả làm việc của nhóm mình kết hợp với tranh, ảnh.

- GV sửa chữa, bổ sung giúp từng nhóm hoàn thiện phần trình bày.

HĐ3: Tây Nguyên có hai mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô:

- YC HS dựa vào mục 2 và bảng số liệu trong SGK, trả lời các câu hỏi sau:

+ Ở Buôn Ma Thuột mùa mưa vào những tháng nào? Mùa khô vào những tháng nào?

+ Khí hậu ở Tây Nguyên có mấy mùa? Là những mùa nào?

+ Mô tả mùa mưa và mùa khô ở TN?

- GV giúp HS hoàn thiện câu trả lời và kết luận

HĐ2: Nhóm 4 – Lớp

- Thực hiện theo yêu cầu của GV:

+ Cao nguyên Đắc Lắc là CN thấp nhất trong các CN ở Tây Nguyên, bề mặt khá bằng phẳng, nhiều sông suối và đồng cỏ. Đất đai phì nhiêu, đông dân nhất ở TN.

+ Cao nguyên Kon Tum là một CN rộng lớn. Bề mặt cao nguyên khá bằng phẳng, , có chỗ giống như đồng bằng. Trước đây, toàn vùng được phủ rừng rậm nhiệt đới nhưng nay rừng còn rất ít, TV chủ yếu là các loại cỏ.

+ Cao nguyên Di Linh gồm những đồi lượn, sóng dọc theo những dòng sông. Bề mặt tương đối phẳng, được phủ một lớp đất đỏ bad an dày, tuy không phì nhiêu bằng CN Đắc Lắc. Mùa khô không khắc nghiệt, vẫn có mưa ngay trong những tháng hạn nên CN lúc nào cũng xanh tốt.

+ Cao nguyên Lâm Viên có địa hình phức tạp, nhiều núi cao, thung lũng sâu; sông suối có nhiều ghềnh thác. CN có khí hậu mát quanh năm.

Nhóm 2- Lớp

- HS làm việc nhóm 2

+ Mùa mưa là các tháng 5, 6, 7, 8, 9, 10. Còn mùa khô vào các tháng 1, 2, 3, 4, 11, 12.

+ Khí hậu ở Tây Nguyên có hai mùa là mùa mưa và mùa khô.

+ Mùa mưa có những

- HS khác nhận xét.

-HS đọc bài học.

<p>3. Hoạt động ứng dụng (2p) - TKNL, BVMT: Tây Nguyên là nơi bắt nguồn của nhiều con sông, các con sông chảy qua nhiều vùng có độ cao khác nhau nên lòng sông lắm thác ghềnh. Bởi vậy, Tây Nguyên có tiềm năng thủy điện to lớn. Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ở đây chính là vấn đề bảo vệ nguồn nước, phục vụ cuộc sống. + Tây Nguyên có nguồn tài nguyên rừng hết sức phong phú, cuộc sống của người dân ở đây dựa nhiều vào rừng : củi đun, thực phẩm... Bởi vậy, cần thấy tầm quan trọng của việc bảo vệ và khai thác hợp lí rừng.</p> <p>4. Hoạt động sáng tạo (1p)</p>	<p>- HS liên hệ BVMT, TKNL và bảo vệ rừng theo câu hỏi gợi ý của GV</p> <p>- Hãy tìm các bài hát nói về Tây Nguyên.</p>
---	---

ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG

.....

.....

.....

.....

SINH HOẠT

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TUẦN 6

I. MỤC TIÊU:

- Nắm được ưu - khuyết điểm trong tuần.
- Phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm.
- Biết được phương hướng tuần tới.
- GD HS có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau.
- Thực hiện an toàn giao thông khi đi ra đường.

II. CHUẨN BỊ:

- GV: Nắm được ưu – khuyết điểm của HS trong tuần
- HS: Chủ tịch Hội đồng tự quản và các Trưởng ban chuẩn bị ND báo cáo.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH:

1. Khởi động

- Lớp tham gia trò chơi: Bịt mắt đoán vật

2. Lớp báo cáo hoạt động trong tuần:

- 4 Trưởng ban lên nhận xét các thành viên trong tổ và xếp loại từng thành viên.

- Tổ viên các tổ đóng góp ý kiến.
- Chủ tịch HĐTQ lên nhận xét chung các ban.
- GV nhận xét chung:
 - + Nề nếp:

+ Học tập:

3. Phương hướng tuần sau:

- Tiếp tục thi đua: Học tập tốt, thực hiện tốt nề nếp, vâng lời thầy cô, nói lời hay làm việc tốt chào mừng ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10.

4. Lớp văn nghệ - múa hát tập thể về mẹ và cô giáo.

THỂ DỤC TẬP HỢP HÀNG NGANG, DÒNG HÀNG, ĐIỂM SỐ. TRÒ CHƠI: KẾT BẠN

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Thực hiện được tập hợp hàng ngang, dóng thẳng hàng ngang, điểm đúng số của mình
- Trò chơi "Kết bạn". YC biết cách chơi và tham gia chơi được trò chơi.

2. Kỹ năng

- Rèn KN vận động và tham gia trò chơi đúng luật

3. Thái độ

- Giáo dục tinh thần tập luyện tích cực và tham gia trò chơi trung thực.

4. Góp phần phát triển các năng lực

- Năng lực tự học, NL tự giải quyết vấn đề, NL tự chăm sóc và phát triển sức khỏe.

II. ĐỊA ĐIỂM, PHƯƠNG TIỆN

- Địa điểm: Sân trường bằng phẳng, an toàn khi tập luyện, vệ sinh sạch sẽ.
- Phương tiện: Còi, kẻ sân chơi trò chơi.

III. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP LÊN LỚP

NỘI DUNG	Định lượng	PH/pháp và hình thức tổ chức
<u>I. PHẦN MỞ ĐẦU</u> - GV nhận lớp, phổ biến nội dung yêu	1-2p	X X X X X X X X

<p>câu bài học.</p> <p>- Khởi động</p>	3-5p	<p>X X X X X X X X</p> <p style="text-align: center;">↙ △ ↘</p>
<p>II. PHẦN CƠ BẢN</p> <p>a. Ôn tập hợp hàng ngang, dóng hàng, điểm số.</p> <p>+ Chia tổ tập luyện do tổ trưởng điều khiển, GV quan sát sửa chữa sai sót cho HS các tổ.</p> <p>+ Tập hợp cả lớp, cho từng tổ thi đua trình diễn. GV quan sát, nhận xét, biểu dương thi đua.</p> <p>+ Cả lớp tập do GV điều khiển để củng cố.</p> <p>b. Trò chơi "Két bạn".</p> <p>GV nêu tên trò chơi, giải thích cách chơi và luật chơi, cho cả lớp cùng chơi.</p>	<p>10-15p</p> <p>3- 5p</p> <p>5p</p>	<p>X X X X X X X X</p> <p>X X X X X X X X</p> <p style="text-align: center;">↙ △ ↘</p> <p style="text-align: center;">X X</p> <p style="text-align: center;">X X</p> <p>X X</p> <p>X X</p> <p style="text-align: center;">X X</p> <p style="text-align: center;">X X</p> <p style="text-align: center;">X X</p> <p style="text-align: center;">X X</p> <p style="text-align: center;">X X</p> <p style="text-align: center;">X X</p> <p style="text-align: center;">X X</p> <p style="text-align: center;">X X</p> <p style="text-align: center;">X X</p>
<p>III. PHẦN KẾT THÚC</p> <p>- Cho HS chạy thường một vòng quanh sân trường, chuyển thành đi chậm, vừa đi vừa thả lỏng.</p> <p>- GV cùng HS hệ thống bài.</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá kết quả giờ học.</p>	5p	<p>X X X X X X X X</p> <p>X X X X X X X X</p> <p style="text-align: center;">↙ △ ↘</p>

ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG

.....

.....

.....

THẺ DỤC

ĐI ĐỀU VÒNG PHẢI, VÒNG TRÁI - ĐỨNG LẠI. TRÒ CHƠI: "NÉM TRÚNG ĐÍCH"

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Biết cách đi đều vòng phải, vòng trái đúng hướng và đứng lại.
- Trò chơi "Bỏ khăn". YC biết cách chơi và tham gia chơi được trò chơi.

2. Kỹ năng

- Rèn KN vận động và tham gia trò chơi đúng luật

3. Thái độ

- Giáo dục tình thần tập luyện tích cực và tham gia trò chơi trung thực.

4. Góp phần phát triển các năng lực




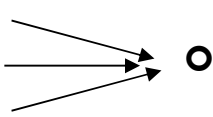


- Năng lực tự học, NL tự giải quyết vấn đề, NL tự chăm sóc và phát triển sức khỏe.

II. ĐỊA ĐIỂM, PHƯƠNG TIỆN

- Địa điểm: Sân trường bằng phẳng, an toàn khi tập luyện, vệ sinh sạch sẽ.

- Phương tiện: Còi, kẻ sân chơi trò chơi.

III. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP LÊN LỚP

NỘI DUNG	Định lượng	PH/pháp và hình thức tổ chức
I. PHẦN MỞ ĐẦU - GV nhận lớp, phổ biến nội dung yêu cầu bài học. - Chạy theo hàng dọc quanh sân trường (200 - 300m). - Trò chơi "Làm theo hiệu lệnh"	1-2p 1-2p 1-2p	X X X X X X X X X X X X X X X X 
II. PHẦN Ôn đi đều vòng phải, vòng trái, đứng lại. +Chia tổ tập luyện do tổ trưởng điều khiển, GV quan sát, sửa chữa sai sót cho các tổ. +Tập hợp cả lớp cho từng tổ thi đua trình diễn. GV nhận xét, biểu dương các tổ. +Tập cả lớp do GV điều khiển để củng cố. b. Trò chơi "Ném trúng đích". GV nêu tên trò chơi, giải thích cách chơi và luật chơi, rồi cho một số HS lên chơi thử. Sau đó cho cả lớp cùng chơi.	5-7p 5-6p	X X X X X X X X X X X X X X X X  X X X X X X X X X O O X X X X X  X X X X X X X X X X X X X X X X  
III. PHẦN KẾT THÚC - GV cho cả lớp vừa hát vừa vỗ tay theo nhịp. - GV cùng HS hệ thống bài. - GV nhận xét, đánh giá kết quả giờ học.	2-3p 1-2p 1-2p	X X X X X X X X X X X X X X X X 

ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG

